

Phụ lục 2
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /6/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	Tổng số TTHC	06 tháng đầu năm 2026				
			Số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ nộp trực tuyến (trong tổng hồ sơ phải xử lý)	Hồ sơ xử lý đúng và trước hạn	Hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn hạn xử lý
	Tổng A+B	2213	297.870	278.651	284.364	1.435	12.071
A	Cấp tỉnh	1770	97.501	85.746	90.246	72	7.183
1	Ban Quản lý khu kinh tế		32	31	30	0	2
2	Sở Công Thương		1.820	1.802	1.760	0	60
3	Sở Dân tộc và Tôn giáo		26	20	17	0	9
4	Sở Giáo dục và Đào tạo		448	443	441	0	7
5	Sở Khoa học và Công nghệ		104	91	101	0	3
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường		90.023	78.784	83.330	25	6.668
7	Sở Nội vụ		915	875	831	7	77
8	Sở Tài chính		182	148	176	3	3
9	Sở Tư pháp		173	153	165	1	7
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		411	404	404	0	7
11	Sở Xây dựng		1.487	1.252	1.362	1	124
12	Sở Y tế		1.863	1.726	1.614	35	214
13	Văn phòng UBND tỉnh		17	17	15	0	2
14	Thanh tra tỉnh		0	0	0	0	0
B	Cấp xã	443	200.369	192.905	194.118	1.363	4.888
1	UBND Phường An Xuyên		5.614	5.203	5.316	2	296
2	UBND Phường Bạc Liêu		6.720	6.124	5.999	74	647
3	UBND Phường Giá Rai		5.671	5.613	5.435	103	133
4	UBND Phường Hiệp Thành		5.922	5.757	5.756	26	140
5	UBND Phường Hòa Thành		2.959	2.858	2.900	8	51
6	UBND Phường Láng Tròn		4.193	4.081	4.097	5	91
7	UBND Phường Lý Văn Lâm		2.420	2.278	2.322	5	93
8	UBND Phường Tân Thành		5.466	5.361	5.419	1	46
9	UBND Phường Vĩnh Trạch		4.185	4.007	4.039	27	119
10	UBND Xã An Trạch		1.651	1.628	1.621	5	25
11	UBND Xã Biển Bạch		2.081	1.982	1.981	37	63
12	UBND Xã Cái Đoi Vàm		2.440	2.389	2.416	6	18
13	UBND Xã Cái Nước		4.986	4.867	4.894	15	77
14	UBND Xã Châu Thới		4.723	4.536	4.460	2	261
15	UBND Xã Đá Bạc		2.845	2.785	2.801	0	44
16	UBND Xã Đầm Dơi		2.875	2.573	2.777	3	95
17	UBND Xã Đất Mới		2.392	2.367	2.357	7	28

STT	Đơn vị	Tổng số TTHC	06 tháng đầu năm 2026				
			Số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ nộp trực tuyến (trong tổng hồ sơ phải xử lý)	Hồ sơ xử lý đúng và trước hạn	Hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn hạn xử lý
18	UBND Xã Đất Mũi		1.396	1.350	1.312	3	81
19	UBND Xã Định Thành		2.961	2.930	2.944	5	12
20	UBND Xã Đông Hải		3.375	3.324	3.227	91	57
21	UBND Xã Gành Hào		2.455	2.283	2.109	297	49
22	UBND Xã Hòa Bình		3.536	3.426	3.462	12	62
23	UBND Xã Hồ Thị Kỳ		2.564	2.408	2.495	2	67
24	UBND Xã Hồng Dân		4.924	4.593	4.848	18	58
25	UBND Xã Hưng Hội		2.216	2.172	2.138	6	72
26	UBND Xã Hưng Mỹ		4.151	4.063	4.090	2	59
27	UBND Xã Khánh An		1.252	1.202	1.196	0	56
28	UBND Xã Khánh Bình		3.299	3.294	3.291	1	7
29	UBND Xã Khánh Hưng		3.420	3.382	3.359	7	54
30	UBND Xã Khánh Lâm		1.598	1.549	1.579	2	17
31	UBND Xã Long Điền		1.349	1.294	1.260	62	27
32	UBND Xã Lương Thế Trân		4.615	4.443	4.427	39	149
33	UBND Xã Năm Căn		2.323	2.266	2.302	1	20
34	UBND Xã Ninh Quới		3.069	3.015	3.039	6	24
35	UBND Xã Ninh Thạnh Lợi		1.741	1.654	1.610	26	105
36	UBND Xã Nguyễn Phích		1.023	948	1.003	1	19
37	UBND Xã Nguyễn Việt Khái		2.443	2.327	2.369	0	74
38	UBND Xã Phan Ngọc Hiến		1.933	1.875	1.847	22	64
39	UBND Xã Phong Hiệp		1.607	1.564	1.565	1	41
40	UBND Xã Phong Thạnh		4.223	4.117	4.068	58	97
41	UBND Xã Phú Mỹ		987	962	956	2	29
42	UBND Xã Phú Tân		1.923	1.821	1.892	3	28
43	UBND Xã Phước Long		3.958	3.879	3.908	2	48
44	UBND Xã Quách Phẩm		2.451	2.448	2.392	3	56
45	UBND Xã Sông Đốc		6.040	4.953	6.019	19	2
46	UBND Xã Tạ An Khương		1.957	1.912	1.933	1	23
47	UBND Xã Tam Giang		1.135	1.102	1.123	3	9
48	UBND Xã Tân Ân		2.108	2.081	2.097	3	8
49	UBND Xã Tân Hưng		2.705	2.658	2.646	1	58
50	UBND Xã Tân Lộc		1.918	1.844	1.801	22	95
51	UBND Xã Tân Tiến		3.858	3.798	3.812	0	46
52	UBND Xã Tân Thuận		3.481	3.371	3.433	21	27
53	UBND Xã Thanh Tùng		2.512	2.481	2.478	0	34
54	UBND Xã Thới Bình		3.333	3.107	3.277	2	54
55	UBND Xã Trần Phán		2.265	2.196	2.169	29	67
56	UBND Xã Trần Văn Thời		5.135	5.061	4.922	10	203

STT	Đơn vị	Tổng số TTHC	06 tháng đầu năm 2026				
			Số hồ sơ phải xử lý	Số hồ sơ nộp trực tuyến (trong tổng hồ sơ phải xử lý)	Hồ sơ xử lý đúng và trước hạn	Hồ sơ xử lý trễ hạn	Hồ sơ còn hạn xử lý
57	UBND Xã Trí Phải		4.235	3.984	3.937	179	119
58	UBND Xã U Minh		1.372	1.325	1.311	4	57
59	UBND Xã Vĩnh Hậu		2.858	2.820	2.790	34	34
60	UBND Xã Vĩnh Lộc		2.019	1.945	1.897	16	106
61	UBND Xã Vĩnh Lợi		2.004	1.980	1.979	0	25
62	UBND Xã Vĩnh Mỹ		5.281	5.130	5.045	19	217
63	UBND Xã Vĩnh Phước		3.836	3.799	3.820	0	16
64	UBND Xã Vĩnh Thanh		4.382	4.360	4.351	2	29